

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN THỦY  
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/2024/QĐCNHGT- **D**, ngày 04 tháng 9 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của người khởi kiện, người bị kiện:

### Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 8 năm 2024 của người khởi kiện:

**Người khởi kiện:** Ngân hàng C - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Mậu K - Phó giám đốc, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 16 tháng 8 năm 2024 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

**Người khởi kiện:** Ngân hàng C - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Mậu K - Phó giám đốc, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C.

**Người bị kiện:** Bùi Văn Q; sinh năm: 1992

Địa chỉ: Xóm R, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hòa Bình

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (nếu có).

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 16 tháng 8 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 16 tháng 8 năm 2024 cụ thể như sau:

Ông **Bùi Văn Q** có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho **Ngân hàng C** - Phòng giao dịch **Ngân hàng chính sách xã hội huyện C** số tiền gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 6600000714686146 ngày 14/3/2019 và Hợp đồng tín dụng số 6600000723727452 ngày 19/7/2022 tổng số tiền là 86.590.000đ (tám mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng) trong đó tiền gốc là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), tiền lãi là 16.590.000đ (Mười sáu triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh sau ngày 16/8/2024.

**Ngân hàng C** - Phòng giao dịch **Ngân hàng chính sách xã hội huyện C** được nhận số tiền gốc và lãi là theo Hợp đồng tín dụng số 6600000714686146 ngày 14/3/2019 và Hợp đồng tín dụng số 6600000723727452 ngày 19/7/2022 tổng số tiền là 86.590.000đ (tám mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng) trong đó tiền gốc là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), tiền lãi là 16.590.000đ (Mười sáu triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh sau ngày 16/8/2024 từ ông **Bùi Văn Q**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2, điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND cùng cấp;
- THADS cùng cấp;
- Lưu HS, TA.

**THẨM PHÁN**

**Lê Trung Nghĩa**